

SỰ XUẤT HIỆN VÀ QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG TÊN GỌI 'CHỮ QUỐC NGỮ' QUA TƯ LIỆU VĂN BẢN CUỐI THẾ KỈ XIX

Vũ Đức Nghiệu*

Bài báo này khảo sát tư liệu cuối thế kỉ XIX và đi tới kết luận: Tên gọi 'chữ quốc ngữ' xuất hiện đầu tiên trên *Gia Định báo* (số 1, ngày 15/01/1867) và trong sách *Mẹo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa* (đầu năm 1867) của Trương Vĩnh Ký. Điều đó cho thấy tên gọi này xuất hiện sớm nhất trong khoảng cuối năm 1866 - tháng Giêng năm 1867.

Công văn của Thống đốc Bonard công bố trên tờ *Gia Định Báo* bằng chữ Hán (số 2, 1863) có dùng tên gọi 'quốc ngữ tây tự'. Đây có thể chính là nền tảng cho tên gọi 'chữ quốc ngữ'. Bản nghị định bằng tiếng Pháp có cùng nội dung với bản công văn Hán văn, cũng do Bonard ký, đăng trên BOEC số 5-1863, gọi chữ Quốc ngữ là *caractères européens* (mẫu tự Âu châu).

Khi người Việt làm quen và đã dùng rộng rãi tên gọi 'chữ quốc ngữ' thì chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ vẫn thường dùng tên gọi *caractères européens* hoặc *caractères latins* (mẫu tự Latinh).

Xung quanh chữ Quốc ngữ vẫn còn những vấn đề cần được khảo luận thêm về mặt lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và xã hội.

Từ khóa: chữ quốc ngữ, tên gọi 'chữ quốc ngữ', quốc ngữ tây tự, *Gia Định báo*.

This article examines written documents from the late 19th century and concludes that the term "chữ quốc ngữ" first appeared in Gia Định Báo (Volume 1, January 15, 1867) and in Mẹo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa (French Grammar Rules, early 1867) by Trương Vĩnh Ký. These findings indicate that the term may have emerged sometime between late 1866 and January 1867.

*The expression "quốc ngữ tây tự" ("Western script for the national language"), which appeared in a government document issued by Governor Bonard, published in Gia Định Báo (Volume 2, 1863) in classical Chinese, may have conceptually influenced the later emergence of the term "chữ quốc ngữ". Bonard's corresponding French-language decree, published in the Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine (BOEC, Volume 5, 1863), referred to "chữ quốc ngữ" as *caractères européens* (European characters).*

While Vietnamese people had already become familiar with the term "chữ quốc ngữ", French colonial authorities in Cochinchina continued to use 'caractères européens' (European characters) or 'caractères latins' (Latin characters).

Several historical, linguistic, cultural, and social issues surrounding the term "chữ quốc ngữ" remain open for further scholarly investigation.

Keywords: chữ quốc ngữ (Vietnamese Romanized script), the term "chữ Quốc ngữ", "quốc ngữ tây tự" (Western script for the national language), *Gia Định Báo*.

* GS.TS., Trường Đại học Hà Nội

Email: nghienvd@vnu.edu.vn

Dẫn nhập

Cho đến nay, chỉ nói riêng về *tên gọi* của chữ Quốc ngữ,¹ về việc sử dụng hệ thống chữ viết này, đã có không ít kết quả nghiên cứu của nhiều người cung cấp được khá nhiều thông tin.² Tuy nhiên, chữ Quốc ngữ vẫn còn nhiều điều cần được tìm hiểu thêm, bởi vì nó có liên quan đến rất nhiều mặt của đời sống ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, và xã hội của nước ta.

Bài viết này thu thập tư liệu nửa cuối thế kỷ XIX và trình bày những phân tích về hai nội dung chính:

a) Thời gian sớm nhất tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ được ghi nhận trên tài liệu thành văn;

b) Quá trình sử dụng tên gọi này trong các tài liệu, sách vở cuối thế kỷ XIX, trước khi nó trở nên phổ biến và được coi là chính thức.

Các nguồn tài liệu chính được khảo sát, xin xem thông tin đầy đủ trong danh sách ở cuối bài viết này.

1. Khảo sát tư liệu về thời gian sớm nhất tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ được ghi nhận trên sách báo

1.1. Tư liệu trên “*Gia Định báo*”

Trong lịch sử báo chí Việt Nam, tờ *Gia Định báo* in bằng chữ Quốc ngữ (dưới đây,

ghi là *Gia Định báo*) ra đời năm 1865, được coi là tờ báo đầu tiên. Trước đó, chính quyền thực dân của Pháp ở Nam Kỳ đã cho ra tờ *Le Bulletin officiel de l'Expedition de la Cochinchine* (BOEC. *Bản tin chính thức về cuộc viễn chinh ở Nam Kỳ*), bằng tiếng Pháp từ năm 1861. Đến 1863, BOEC được đổi thành *Le Bulletin officiel de la Cochinchine Française* (BOCF: *Bản tin chính thức của xứ Nam Kỳ thuộc Pháp*).

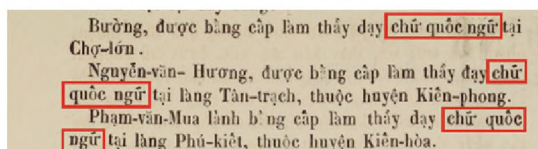
Số đầu tiên của *Gia Định báo* ra ngày 15/4/1865 (Huỳnh Văn Tòng, 2000: 59). Hiện nay, tờ báo này được lưu trữ không đầy đủ ở trong và ngoài Việt Nam. Thư viện Quốc gia Việt Nam đã số hóa và công bố 66 số, từ tháng 6/1890 về sau (<http://baochi.nlv.gov.vn>). Thư viện Khoa học Thành phố Hồ Chí Minh lưu trữ được gần 200 số (Theo <https://leminhquoc.vn>). Thư viện Quốc gia Pháp, số hóa và công bố được 425 số, từ năm 1866 đến 1906. (<https://gallica.bnf.fr/> của Thư viện Quốc gia Pháp). Không có số nào của năm 1865 được lưu trữ, công bố. Những năm khác cũng khuyết thiếu một ít.

Khảo 10 số *Gia Định báo* năm 1866 hiện còn và 12 số của năm 1867, tôi thấy tên gọi ‘*chữ quốc ngữ*’ được ghi nhận rõ

¹ Trong bài này, khi viết ‘chữ Quốc ngữ’ (với dấu ngoặc đơn nhỏ phía trên) là tôi nói đến *tên gọi* của chữ Quốc ngữ; khi viết không có dấu đó, là nói đến chính đối tượng *chữ Quốc ngữ*.

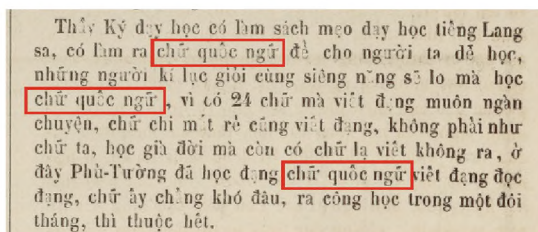
² Ví dụ: Hoàng Xuân Hãn (1953. *Girolamo Majorica, ses oeuvres en langue Vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris*), Đỗ Quang Chính (1972. *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659*), Nguyễn Văn Trung (1975. *Chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*), Francis J. De (1977. *Colonialism and Language Policy in Viet Nam*), Huỳnh Văn Tòng (2000. *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945*), Đoàn Thiện Thuật (2008. *Chữ quốc ngữ thế kỷ XVIII*), Võ Xuân Quê (2021. *Cụm từ “chữ Quốc Ngữ” được dùng từ bao giờ và ở đâu?*), Cao Tự Thanh (2022. *Hai tờ báo chữ Hán ở Nam Kỳ đầu thời Pháp thuộc*), Phạm Thị Kiều Ly (2024. *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1615-1919*).

ràng trên số 1 năm 1867, ra ngày 15/01/1867, tại phần *Công vụ*, cột 1, trang 2, nói về những người mới lĩnh bằng cấp làm việc năm 1867. (Xem ảnh bản đoạn trích).



(... Bường, được bằng cấp làm thầy dạy chữ quốc ngữ tại Chợ-lớn. Nguyễn-văn-Hương, được bằng cấp làm thầy dạy chữ quốc ngữ tại làng Tân-trạch, thuộc huyện Kiên-phong. Phạm-văn-Mua, lãnh bằng cấp làm thầy dạy chữ quốc ngữ tại làng Phú-kiết, thuộc huyện Kiên-hòa. Lê-tông-Sử, lãnh bằng cấp làm kí lục thứ ba giúp việc tại tòa ông Thượng thư.)

Trên số 4, 1867, ra ngày 15 tháng 4, phần *Tạp vụ*, cột 2, trang 2 cũng có ghi nhận tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ khi giới thiệu cuốn sách “Mẹo dạy học tiếng Lang sa”. (Xem ảnh bản đoạn trích).



(Thầy Ký dạy học có làm sách mẹo dạy học tiếng Lang sa, có làm ra chữ quốc ngữ để cho người ta dễ đọc, những người ký lục giỏi cùng siêng năng sẽ lo mà học chữ quốc ngữ, vì có 24 chữ mà viết dặng muôn ngàn chuyện, chữ chỉ mắt rỏ cũng viết dặng, không phải như chữ ta, học ghi dỗi mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây Phú-Tường đã học dặng chữ quốc ngữ viết dặng đọc dặng, chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học trong một đôi tháng, thì thuộc hết.)

không phải như chữ ta, học già dỗi mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây Phú-Tường đã học dặng chữ quốc ngữ viết dặng đọc dặng, chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học trong một đôi tháng, thì thuộc hết.)³

1.2. Tư liệu trên tờ 嘉定報 (“Gia Định báo”, in bằng chữ Hán)

1.2.1. Ở Nam Kỳ thuộc Pháp trước đây, ngoài tờ *Gia Định báo* in bằng chữ Quốc ngữ vừa nói bên trên, còn có một tờ báo khác, cũng tên là *Gia Định báo* (嘉定報) nhưng xuất bản bằng chữ Hán, bắt đầu vào năm 1862, trước tờ *Gia Định báo chữ Quốc ngữ*. (Từ đây trở xuống, gọi là *Gia Định báo chữ Hán* hoặc ghi nguyên chữ Hán: 嘉定報 để tránh nhầm lẫn). Đây là tờ công báo, được in bằng mộc bản. Trong các giấy tờ, tài liệu có liên quan, 嘉定報 thường được ghi nhận với tên gọi tiếng Pháp là *Le Bulletin des Communes* (*Bản tin cho các làng xã*). Thống đốc Nam Kỳ L.A. Bonard cho ra tờ báo này để công bố các tài liệu, thông tin cho chức sắc ở các làng xã của ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thuộc Pháp, vì ông ta thấy rằng, ở Nam Kỳ, người biết tiếng Pháp không nhiều, người có trình độ giáo dục thì chủ yếu là biết chữ Hán (theo nền giáo dục truyền thống bản địa), tờ *Le Bulletin officiel l'expédition de Cochinchine* (BOEC - *Bản tin chính thức của cuộc viễn chinh ở Nam Kỳ*) in bằng chữ Pháp, đang hoạt động thời đó, ít có tác dụng vì ít người đọc được.

³ Cách viết đoạn tin này có thể gây hiểu lầm. Ý của tác giả là: Thầy Ký làm sách *Mẹo dạy học tiếng Lang sa*, làm ra (viết bằng) chữ Quốc ngữ (không phải là làm ra chữ quốc ngữ).

Ở Việt Nam, hiện nay, không có số 嘉定報 nào còn được lưu trữ. Thư viện Quốc gia Pháp có lưu trữ, số hóa và công bố được 13 số báo trên website Gallica của họ từ ngày 03/3/2020, gồm: 09 số của năm 1862, 3 số của năm 1863 (hồ sơ bản gốc: A. Annamite 43), 01 số của năm 1867 (hồ sơ bản gốc: A. Annamite 4).⁴ Cuốn sách *Catalogue des Livres en Han Nôm (Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu)* của Trần Nghĩa và Francois Gros công bố năm 1993 cũng ghi nhận những tài liệu này.

Trước nay, tờ 嘉定報 được cho là đã bị mất hoàn toàn, không rõ lý do; nhưng khảo luận của Cao Tự Thanh (2022) cho thấy: *Le Bulletin des Communes* chính là 嘉定報; và một phần của nó, dù rất ít, vẫn còn được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp.

1.2.2. Số ra ngày 01 tháng 02 năm Quý Hợi (1863) của 嘉定報 có đăng một công văn của Bonard, bằng chữ Hán, bắt đầu từ trang 1A đến đầu trang 6A (ký hiệu này do tôi tự ghi - VĐN), nói về việc tổ chức dạy, học, thi cử, để đào tạo, tuyển trạch viên chức cho chính quyền thuộc địa.

Đối chiếu công văn chữ Hán trên 嘉定報 với bản nghị định tương ứng viết bằng

tiếng Pháp⁵ do Bonard ký ngày 31/3/1863, tôi thấy có mấy điểm cần được nói thêm:

- Công văn bằng chữ Hán trên 嘉定報 ra ngày 01 tháng 02 năm Quý Hợi, nghị định viết bằng tiếng Pháp ký ngày 31/3/1863 (đăng trên BOCF, Số 5, 1863), có cùng nội dung, nhưng đây không phải hoàn toàn là hai bản dịch của nhau. Công văn bằng chữ Hán vừa thông báo về những nội dung được quyết định, vừa diễn giải những vấn đề liên quan. Bản nghị định viết bằng tiếng Pháp ngắn gọn hơn.

- Số 2, 1863 của 嘉定報 ra ngày 01 tháng 02 năm Quý Hợi, tức là 19/3/1863 dương lịch. Nếu cho rằng ngày 01 tháng 02 là ngày tháng dương lịch, còn năm là năm âm lịch Quý Hợi (như cách ghi ngày tháng nhiều khi không nhất quán thời đó), thì dù ghi nào đi nữa, kết quả đối chiếu âm-dương lịch cũng cho thấy công văn chữ Hán đã được công bố trước ngày ký nghị định viết bằng chữ Pháp (31/3/1863 là ngày 13 tháng 02, Quý Hợi).

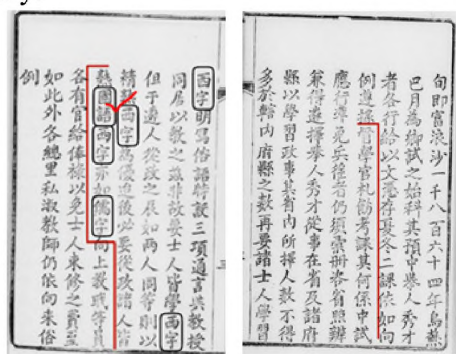
- Như thế, chắc hẳn Bonard đã ban hành công văn bằng chữ Hán để thông báo chủ trương của mình trước, sau đó mới ký nghị định viết bằng tiếng Pháp, ghi ngày tháng

⁴ Trân trọng cảm ơn ông Cao Tự Thanh, nhà nghiên cứu độc lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, vào đầu năm 2021 đã cung cấp cho tôi tư liệu và thông tin về tờ 嘉定報 này, trong đó có đăng công văn của L.A. Bonard - Thống đốc Nam Kỳ thuộc pháp (Le Vice-Amiral gouverneur, commandant en chef), viết bằng chữ Hán, có liên quan đến chữ Quốc ngữ. Năm 2022, Cao Tự Thanh công bố cuốn sách "*Hai tờ báo chữ Hán ở Nam Kỳ đầu thời Pháp thuộc*", khảo luận bình diện lịch sử và lịch sử báo chí của tờ 嘉定報 và tờ 南圻六省報 (Nam Kỳ lục tỉnh báo). Trong sách, ông cũng công bố ảnh bản (đã xử lý kỹ thuật) các số 嘉定報 hiện còn lưu trữ được. Ảnh bản trích từ 嘉定報 dùng trong bài này, tôi trích từ nguồn <https://gallica.bnf.fr/GallicaEnChiffres>, truy cập lần gần nhất ngày 02/01/2025.

⁵ Bản quyết định này đăng lần đầu trong BOEC, No.5, năm 1863, tr.62, in lại lần thứ hai năm 1871 trong BOCF, 1862-1863 [Deuxième Édition. Paris. Challamel Ainé, Libraire-Éditeur. Commissionnaire pour la Marine et les Colonies, 1871], tr.310-313). Trong bài viết này, tôi sử dụng văn bản in trong BOCF, 1862-1863.

chính thức để bảo đảm các thủ tục hành chính và lưu trữ, báo cáo với triều đình Pháp ở chính quốc.

Trong đoạn trích công văn chữ Hán (giữa hai đường giới hạn, trang 3A và 3B của ảnh bản dưới đây, đọc từ phải sang trái) có hai chữ Hán 國語 “quốc ngữ” rất đáng chú ý.



3B

3A

Phiên âm: (...) Đốc học quan trát sức khảo khóa kỳ hà hệ trúng thức ưng hành chủng miễn binh đao giả, nhưng tu vưng sách tư tỉnh chiếu biện kiêm đắc lân trạch cử nhân tú tài từng sự tại tỉnh cấp chư tỉnh phủ huyện dĩ học tập chính sự. Kỳ tỉnh nội sở trạch nhân số bất đắc đa ư hạt nội phủ huyện chi số tái yếu chư sĩ nhân học tập tây tự mình tả tục ngữ đặc thiết tam hạng Thông ngôn dữ Giáo thụ đồng cư dĩ giáo chi. Tư phi cổ yếu sĩ nhân giai học tây tự dân vu lân nhân từng chính chi thời, như lưỡng nhân đồng đẳng tắc dĩ tỉnh thực tây tự vì ưu đãi hậu tất yếu từng chính chư nhân giai thực quốc ngữ tây tự diệc như Nho tự (Cao Tự Thanh, 2022: 135).

Dịch: Quan Đốc học trát sức khảo khóa, ai trúng thức sẽ miễn đi lính đi phu, vẫn làm thành tập tư cho tỉnh chiếu biện và lựa chọn cử nhân, tú tài từng sự ở tỉnh cùng các phủ huyện để học tập chính sự. Số người được chọn ở tỉnh không được nhiều hơn số ở phủ huyện. Lại buộc các sĩ nhân học chữ Tây, viết rõ được lời nói hàng ngày, đặc biệt, đặt ra thông ngôn hạng ba ở cùng với giáo thụ để mà dạy. Đó không phải là muốn các sĩ nhân đều học chữ Tây, nhưng lúc chọn người từng chính, nếu hai người cùng bậc thì lấy người thông thạo chữ Tây làm hạng ưu, đợi về sau nhất định buộc những người từng chính đều phải thông thạo chữ quốc ngữ Tây như chữ Nho (Cao Tự Thanh, 2022: 137).

Tương ứng với đoạn công văn chữ Hán nói trên là đoạn trích nghị định ngày 31/3/1863 bằng tiếng Pháp dưới đây (ảnh bản PDF):⁶

Pour vulgariser l'étude de la langue annamite écrite en caractères européens, un interprète de première, deuxième ou troisième classe pourra être adjoint à chaque *Giao-tho*. Cependant, l'étude des caractères européens ne sera pas obligatoire; mais dans les concours pour les places vacantes, à mérite égal, la préférence sera donnée aux élèves pouvant faire usage de la langue annamite écrite en caractères européens. La connaissance de ces caractères deviendra

— 312 —

obligatoire plus tard pour tous les nouveaux fonctionnaires de concert avec la langue officielle écrite.

“Pour vulgariser l'étude de la langue annamite écrite en caractères européens, un interprète de première, deuxième ou troisième classe pourra être adjoint à chaque *Giao-tho*. Cependant, l'étude des caractères européens ne sera pas

⁶ Trân trong cảm ơn nhà nghiên cứu sử học Pascal Bourdeau, hiện đang làm việc tại Ecole Pratique de Hautes Etudes (Paris) đã giúp tra cứu, phát hiện và cung cấp cho tôi tài liệu này, một tài liệu khó tìm. Trong điều kiện của mình, tôi đã rất vất vả nhưng không thể có được.

obligatoire ; mais dans les concours pour les places vacantes, à mérite égal, la préférence sera donnée aux élèves pouvant faire usage de la langue annamite écrite en caractères européens. La connaissance de ces caractères deviendra [312] obligatoire plus tard pour tous les nouveaux fonctionnaires de concert avec la langue officielle écrite.”

(Dịch: Để phổ biến việc học tiếng An Nam viết bằng mẫu tự Âu châu, có thể bổ sung ba hạng thông ngôn: hạng nhất, hạng nhì hoặc hạng ba cho mỗi Giáo-thụ. Việc học chữ kiểu Âu châu không phải là bắt buộc, nhưng trong các cuộc thi tuyển để giành một vị trí chức việc còn trống, nếu [ứng viên] xét theo thành tích là ngang nhau, thì sẽ ưu tiên những học sinh biết dùng tiếng An Nam viết bằng mẫu tự Âu châu. Về sau này, việc thông thạo chữ viết đó sẽ trở thành bắt buộc đối với mọi công chức mới để làm việc với ngôn ngữ viết chính thức).

Đoạn trích công văn chữ Hán với đoạn nghị định tương ứng bằng tiếng Pháp cho thấy:

- Công văn chữ Hán dùng tên gọi ‘tây tự’ (西字: chữ Tây) 5 lần, nhưng không trở chữ Pháp/tiếng Pháp, mà tất cả đều ứng với tên gọi ‘caractères européens’ (mẫu tự Âu châu). Như vậy, người Pháp hồi đó gọi

chữ Quốc ngữ là ‘*caractères européens*’, còn công văn đăng trên 嘉定報 gọi chữ Quốc ngữ là ‘tây tự’.

- Từ ‘quốc ngữ’ (國語) trong tên gọi ‘quốc ngữ tây tự’ (國語西字) ở công văn chữ Hán ứng với tên gọi ‘la langue annamite’ (tiếng Annam) trong tên gọi ‘la langue annamite écrite en caractères européens’ (tiếng Annam viết bằng mẫu tự Âu châu) ở nghị định bằng tiếng Pháp, chưa phải là tên riêng cho chữ Quốc ngữ.

1.3. Tư liệu trong cuốn sách “Mẹo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa” (1867)

Đây là cuốn sách do Trương Vĩnh Ký biên soạn, được giới thiệu trên *Gia Định báo*, số 4, 1867, đã đề cập tại điểm 1.1. bên trên. Hiện có ba phiên bản của sách được lưu trữ. Một bản được <https://books.google.com.vn> công bố, cho thông tin là phiên bản 1867. Một bản không in năm công bố, nhưng số hiệu sách lưu tại thư viện Đại học Cornell (Mỹ) có ghi là 1870. Một bản in năm công bố 1872 trên trang bìa.

Ba phiên bản này, đúng là được in ba lần khác nhau, vì chỉ cần đối chiếu trang đầu của phần giới thiệu bằng chữ cái (trang 5) cũng đã thấy những điểm khác nhau về đánh số mục, cách trình bày, diễn giải các nội dung,...

Bản in 1867.

MỆO LUẬT DẠY HỌC TIẾNG PHA-LANG-SA. CHỮ CÁI PHA-LANG-SA. Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ cái để lấy đó mà đánh vần ra mà viết tiếng như sau này :	MỆO LUẬT DẠY HỌC TIẾNG PHA-LANG-SA CHỮ CÁI PHA-LANG-SA Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ cái để lấy đó mà đánh vần ra mà viết tiếng như sau này:
---	---

Bản in 1870.

MỆO LUẬT TIẾNG PHA-LANG-SA. I. VỀ CHỮ PHA-LANG-SA. Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ để lấy đó mà đánh vần ra mà viết tiếng như sau này :	MỆO LUẬT TIẾNG PHA-LANG-SA I. VỀ CHỮ PHA-LANG-SA Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ để lấy đó mà đánh vần ra mà viết tiếng như sau này:
---	--

Bản in 1872.

MẤY ĐIỀU DẪN TRƯỚC ĐIỀU THỨ I. – VỀ CHỮ PHA-LANG-SA 1* Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ mà đánh vần ra viết tiếng như sau này :	MẤY ĐIỀU DẪN TRƯỚC ĐIỀU THỨ I. – VỀ CHỮ PHA-LANG-SA 1. Người Pha-lang-sa dùng 25 chữ mà đánh vần và viết tiếng như sau này:
--	--

Trong cuốn sách *Mẹo luật...*, tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ (có khi ghi tắt là ‘quốc ngữ’, có khi ghi không đúng chính tả thành ‘quốc ngữ’, như bản 1872), đã được dùng làm tên gọi chính thức để diễn giải, so sánh âm đọc của con chữ ghi âm tiếng Pháp với con chữ ghi âm tiếng Việt. Dưới đây là vài ví dụ cụ thể (ảnh bản của bản số hóa).

Trang 8, bản 1867.

AM MẤY CHỮ TRONG TIẾNG PHA-LANG-SA

ĐỌC KHÁC **CHỮ QUỐC NGỮ**

Ai = ê thí dụ : mai, đọc mê.
Au { = ô id. aube đọc ôb.
Aux { = ô id. travaux đọc travô.

Trang 9, bản được thư viện Đại học Cornell ghi là năm 1870.

— 9 —

II. AM MẤY CHỮ TRONG TIẾNG PHA-LANG-SA ĐỌC KHÁC CHỮ QUỐC NGỮ.

Ai = ê thí dụ : mai, đọc mê.
Au { = ô id. aube đọc ôb.
Aux { = ô id. travaux đọc travô.

Trang 10, bản 1872

— 10 —

ĐIỀU THỨ III. — Về vần phalangsa là hai ba chữ âm liền nhau gọi là *diphthongue*; lại về nam ba vần đọc ra khác chữ **quốc ngữ**.

1* ai { đọc ra ê hay là e **quốc ngữ**; vần *et*, vần *er* cuối tiếng cũng vậy, như : *buffet, soupe*.

Sách *Mẹo luật...* được viết bằng chữ Quốc ngữ, được giới thiệu trên *Gia Định báo* số 4 (tháng 4) năm 1867, thì chắc chắn nó phải được viết và được công bố trước tháng 4 năm 1867.

2. Khảo sát tư liệu về những tên gọi khác dành cho chữ Quốc ngữ và thời gian sử dụng các tên gọi đó

2.1. Khảo sát *Bộ sưu tập văn bản pháp luật và quy định ở Nam Kỳ (Recueil de la Législation et Réglementation de la Cochinchine*. Saigon, 1880-1881. Viết tắt: RLRC) do chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ ban hành từ khi họ bắt đầu trực trị cho đến ngày 01/01/1880, tôi thấy, trong các văn bản hữu quan, việc sử dụng các tên gọi cho chữ Quốc ngữ là như sau:

- Tên gọi ‘quốc ngữ’ (ghi là *quoc-ngu*, *quốc-ngữ* hoặc có lỗi in là: *quôc-ngữ*, *quôc-ngũ*, *quôc ngu*) xuất hiện trong tài liệu ban hành năm 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879, 1880.

- Tên gọi ‘caractères européens’ dùng trong các tài liệu ban hành năm 1866, 1868, 1869.

- Tên gọi ‘caractères Latins’ dùng trong các tài liệu ban hành năm 1869, 1871, 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879.

Cả hai tên gọi: ‘*caractères européens*’ và ‘*caractères Latins*’ đều được dùng để định danh cho chữ Quốc ngữ.

2.2. Năm 1869, khi Thống đốc Nam Kỳ G. Ohier ký ban hành nghị định ngày 22/02/1869 (đăng trong *Courrier de Saigon*, số 5, 1869) yêu cầu dùng chữ Quốc ngữ trong tất cả các tài liệu, giấy tờ chính

thức, thì chữ Quốc ngữ vẫn được gọi tên là ‘*caractères européens*’. Điều 1 của nghị định này ghi: “Từ ngày 01 tháng 4 năm 1869, tất cả các giấy tờ chính thức như: nghị định, quyết định, lệnh, án lệnh, thông tư, đều sẽ được viết và công bố bằng *mẫu tự Âu châu* (*caractères européens*), có chữ ký của người có thẩm quyền”. Dưới đây là ảnh bản điều 1 của nghị định được in lại trong RLRC năm 1881, tr.272.

(22 février 69.)
A. G. — *L'écriture de la langue annamite en caractères européens est rendue obligatoire pour les actes officiels.*
(C. S., n° 5.)
Article premier. — A compter du 1^{er} avril 1869, tous les actes officiels : arrêtés, décisions, ordres, jugements, instructions ou autres, seront écrits et publiés, en caractères européens, avec les signatures des autorités compétentes.

2.3. Ngày 06 tháng 4, năm 1878, Thống đốc J. Lafont cũng ký ban hành nghị định về việc dùng chữ Quốc ngữ trong các văn bản giấy tờ chính thức lưu hành tại Nam Kỳ. (Đăng trên BOEC, Số 4, 1878, tr.110-111. Nguồn: <https://gallica.bnf.fr/>). Đoạn đầu của nghị định viết:

“Số 82. - Nghị định về việc dùng tiếng Annam viết bằng mẫu tự Latin (*caractères latins*)

(.....) Xét thấy chữ An Nam bằng mẫu tự Latin (*caractères latins*), gọi là “quốc ngữ”, ngày nay đã khá phổ biến ở các tỉnh Nam Kỳ của Pháp; ...” (xem ảnh bản).⁷

N° 82. — ARRÊTÉ relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins.
Du 6 avril 1878.
Le Contre-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef,
Considérant que l'écriture de la langue annamite en caractères latins, dits « quoc ngu », est aujourd'hui assez répandue dans les provinces françaises de la Cochinchine; qu'elle est d'une étude beaucoup plus facile

⁷ No. 82. — Arrêté relatif à l'emploi légal de la langue annamite en caractères latins

(.....) Considérant que l'écriture de la langue annamite en caractères latins, dits “quoc ngu” est aujourd'hui assez répandue dans les provinces françaises de la Cochinchine; ...).

Sau phần mở đầu có dùng tên gọi “quốc ngữ”, đến Điều 1, nghị định đó lại dùng tên gọi *mẫu tự Latin*: “Từ 01 tháng 01 năm 1882, tất cả các văn kiện chính thức, nghị định, quyết định, sắc lệnh, án lệnh, phán quyết, chỉ thị sẽ được viết, ký và công bố bằng chữ viết *mẫu tự Latin* (caractère latins)” (xem ảnh bản dưới đây).

Article premier. — A partir du 1^{er} janvier 1882, tous les actes officiels, arrêtés, décisions, ordres, jugements, instructions et autres seront écrits, signés et publiés en caractères latins.

Như vậy, trong nghị định do Lafont ký ban hành năm 1878, tên gọi “quốc ngữ” cho chữ Quốc ngữ đã được ghi nhận; nhưng, trong điều khoản chính thức của nghị định lại vẫn dùng tên gọi *mẫu tự Latin* (caractères latins).

3. Nhận xét, thảo luận

3.1. Quá trình khởi tạo chữ Quốc ngữ gắn liền với công cuộc truyền đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, bắt đầu từ đầu thế kỷ XVII, nhưng tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ - ‘quốc ngữ’ không xuất hiện cùng với nó ngay từ đầu, mà mãi về sau mới có.

Các tư liệu trình bày trong điểm 1.1 bên trên cho thấy: muộn nhất là từ tháng Giêng năm 1867, tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ đã xuất hiện, được ghi nhận trên văn bản, ít nhất là trên tờ *Gia Định báo*.

Ngoài *Gia Định báo*, cuốn sách “*Mẹo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa*” do Trương Vĩnh Ký biên soạn (điểm 1.3.), cũng cho thấy một thông tin rất thú vị. Sách được giới thiệu trên *Gia Định báo* tháng 4 năm

1867, thì chắc chắn rằng, muộn nhất, nó cũng phải được viết, in và công bố trước tháng 4 năm 1867; thậm chí, có nhiều khả năng được viết, in khoảng cuối năm 1866 - đầu năm 1867. Năm 1867 in trên sách, có lẽ chỉ để ghi dấu lúc in xong và phát hành. Sở dĩ nói như thế là vì thời gian viết sách, tổ chức và kỹ thuật in ấn trong điều kiện những năm 1860, chắc hẳn không phải là ngắn. Như thế thì, thực tế, tên gọi ‘*chữ quốc ngữ*’ đã phải được ghi nhận, sử dụng trong sách ở thời gian tương ứng (1866-1867). Điều đặc biệt nhất ở đây là chúng ta khẳng định được một người cụ thể đã ghi nhận, sử dụng tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ khi diễn giải những vấn đề hữu quan trong tác phẩm của mình. Khi tìm kiếm các thông tin về thời điểm đầu tiên tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ được sử dụng, ghi nhận, cuốn sách *Mẹo luật...* của Trương Vĩnh Ký là một dấu mốc xác thực, rất có ý nghĩa, nhưng trước nay, tài liệu này dường như đã bị bỏ sót.

Tuy nhiên, cũng khó lòng nghĩ rằng cuốn *Mẹo luật...* được viết và in trong thời gian sớm hơn nữa, vì *Gia Định báo* số ra tháng 3, tháng 4 năm 1866 vẫn dùng tên gọi ‘chữ Annam’ cho chữ Quốc ngữ.⁸ (Số 3, ra ngày 15/3/1866, cột 2, trang 1 đăng yết thị ngày 19 tháng Giêng của “Ông nguyên soái” về việc thi các nghề nghiệp, viết: “Điều thứ năm - Một phần trường đề đồ tây, các đồ phải biên giá bán tại Sài Gòn chữ tây và chữ Annam”. Số 4, ra ngày 15/4/1866, cột 2, trang 3 đăng yết thị về hội đấu xảo chung năm 1867 viết về việc ghi

⁸ Kết quả khảo sát này cũng phù hợp với thông tin ông Võ Xuân Quế cung cấp năm 2021.

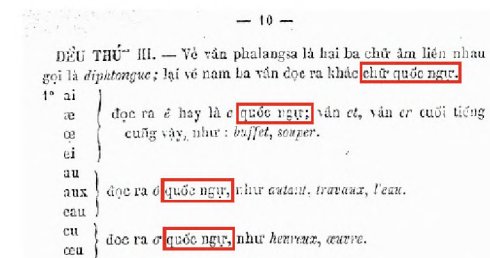
giá tiền, nơi sản xuất của vật phẩm dự thi như sau: “Giá và chỗ làm các thứ ấy thì sẽ viết chữ tây và chữ Annam cách rõ ràng; cho nên ai biết đọc thì sẽ hiểu tức thì, chẳng cầu ai cắt nghĩa”).

Tên gọi ‘*chữ tây*’ trong hai đoạn trích trên đây, chắc chắn, chỉ chữ Pháp, còn tên gọi ‘*chữ Annam*’ chắc chắn, chỉ chữ Quốc ngữ; vì những văn bản này do người Việt viết, nếu họ yêu cầu ghi giá cả và nơi sản xuất vật phẩm bằng *chữ Annam* mà hiểu ‘*chữ Annam*’ là *chữ Nôm* thì tên gọi *chữ Nôm* đã có sẵn, hẳn họ đã dùng tên gọi ‘*chữ Nôm*’.

3.2. Trong các tài liệu hữu quan cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỷ XX, người ta thường dùng tên gọi ‘*quốc ngữ*’/ ‘*cuộc ngữ*’ (không kèm từ ‘*chữ*’; và có khi in sai chính tả, thành *quốc ngữ*) để chỉ *chữ Quốc ngữ*. Điều này không có gì lạ. Ở Việt Nam, trước khi có chữ Quốc ngữ, và ngay cả hiện nay, người ta vẫn hay dùng tên gọi ‘quốc ngữ’ hoặc ‘quốc âm’ để chỉ cả ngôn ngữ lẫn chữ viết (trước đây là chữ Nôm). Ví dụ, Chu Văn An (thời Trần) có *Quốc ngữ thi tập*, Nguyễn Bình Khiêm (thời Mạc) có *Bạch Vân Quốc ngữ thi*, Nguyễn Trãi (thời Lê) có *Quốc âm thi tập*; thời Lê còn có *Hồng Đức Quốc âm thi tập* của tập thể tác giả, không đề danh.

Landes, vào năm 1884, nhận xét “Các nhà truyền giáo đã đem đến cho người Việt Nam bảng chữ cái ghi âm tố, là *chữ quốc ngữ* (dịch từng từ là: *chữ - quốc gia - ngôn ngữ*, tức là chữ ghi ngôn ngữ quốc gia) mà trong tiếng nói thông thường ở xứ Nam Kỳ thuộc chúng ta, nó đã trở nên đơn giản là *quốc ngữ*... *Quốc ngữ* là ‘ngôn ngữ của vương quốc, quốc gia hay ngôn ngữ bản xứ’, và các từ *chữ quốc ngữ* chỉ các chữ cái thích hợp để thể hiện ngôn ngữ này”⁹ (Dẫn theo Francis 1977: 86).

Tác phẩm của Trương Vĩnh Ký (1867/1870/1872), Valot (1897), Bouchet (1912), đều có gọi *chữ Quốc ngữ* là ‘quốc ngữ’. Ví dụ, xem ảnh bản số hóa một phần trang 10, bản in 1872 cuốn *Mẹo luật*... của Trương Vĩnh Ký:¹⁰



(ĐỀU THỨ III. – Về vần phalanga là hai ba chữ âm liền nhau gọi là diphtongue; lại về nam ba vần đọc ra khác chữ quốc ngữ.

... đọc ra ê hay là e quốc ngữ; ...

... đọc ra ô quốc ngữ, ...

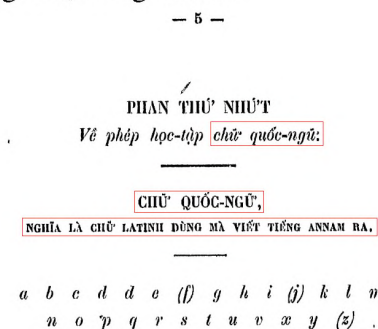
⁹ “the missionaries provided the Vietnamese with an alphabetic writing, the *chu quoc ngu* [literally ‘characters-nation-language’, i.e. ‘national language characters’], which in our Cochinchina argot has become simply *quoc ngu*... *Quoc ngu* signifies ‘language of the kingdom, national or vernacular language’, and the words *chu quoc ngu* designate equally all the characters appropriate to render this language” (J.D. Francis, 1977: 86).

¹⁰ Trong cùng văn bản: *Manuel des Écoles Primaire ou Simple notions sur les sciences* (1876/1877), phần lời nói đầu, viết bằng tiếng Pháp, ông dùng tên ‘quốc ngữ’ (tr.1), đến phần viết bằng tiếng Việt, ông dùng tên ‘chữ quốc ngữ’ (tr.3, 5).

... đọc ra ơ quốc ngữ, ...).

Nhưng cũng có khi, cùng một tác giả và/hoặc cùng một tác phẩm, mà lúc thì dùng ‘quốc ngữ’, lúc lại dùng ‘chữ quốc ngữ’. Ví dụ: Trương Vĩnh Ký (1877/1876: tr.1, 3, 5; 1883: tr.9).

Mặt khác, như bên trên đã trình bày, cuốn sách *Mẹo luật*... là minh chứng cho thấy Trương Vĩnh Ký đã ghi nhận và sử dụng tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ trong thời điểm khoảng cuối năm 1866 - đầu năm 1867. Mười năm sau (1876/1877), chính ông, trong cuốn *Manuel des écoles primaires ou simples notions sur les sciences* (Cẩm nang cho bậc tiểu học: những ý niệm đơn giản về khoa học) của mình, đã nêu một phát biểu có tính định nghĩa cho chữ Quốc ngữ: “Chữ quốc-ngữ, nghĩa là chữ Latinh dùng mà viết tiếng Annam ra” (tr.5). Xem ảnh bản phân trang sách ghi định nghĩa đó:



Trong cuốn sách *Grammaire de la Langue Annamite* (Ngữ pháp tiếng Annam, 1883: tr.9) ông tiếp tục diễn giải về tên gọi “le chữ quốc-ngữ” (xem ảnh bản số hóa).¹¹

ECRITURE ALPHABÉTIQUE, CHỮ QUỐC-NGŨ.

Le chữ quốc-ngữ, écriture latine, affectée conventionnellement à l'écriture de l'annamite vulgaire, comprend toutes les lettres de l'alphabet latin, à l'exception de l'f, j, et z; f. étant remplacé par ph, j et z par le d non barré.

Dùng chữ Quốc ngữ để viết sách, dùng tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ để định danh cho thứ chữ này trong các tác phẩm của mình, phát biểu một định nghĩa rõ ràng về nó (chữ Quốc ngữ) với tư cách là một thuật ngữ chuyên môn thuộc lĩnh vực dạy và học tiếng trong một cuốn sách phổ biến khoa học; đó là những thông tin rất đáng chú ý về tác giả Trương Vĩnh Ký, khi chúng ta tìm hiểu thời gian đầu tiên tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ được ghi nhận.

3.3. Tên gọi ‘quốc ngữ tây tự’ (國語西字) trong công văn của Bonard viết bằng chữ Hán, trên tờ 嘉定報 trình bày tại điểm 1.2.2. bên trên cần được phân tích thêm.

‘Quốc ngữ tây tự’ có thể được diễn giải là “chữ/mẫu tự tây [để ghi /hoặc của] quốc ngữ [ngôn ngữ của quốc gia]”, hoặc “mẫu tự tây ghi tiếng Annam”. Từ “quốc ngữ” trong tên gọi này ứng với tên ‘la langue annamite’ (tiếng Annam) trong nghị định tương ứng viết bằng tiếng Pháp. Như vậy, từ “quốc ngữ” ở đây được dùng với nghĩa “tiếng nói của dân tộc/quốc gia”.

Nghị định của Bonard viết bằng tiếng Pháp (BOCF: 1862-1863. Deuxième Édition, 1871: tr.311) nói về việc học tiếng Annam viết bằng mẫu tự Âu châu, là nói về

¹¹ Chữ văn ABC, chữ quốc-ngữ

Chữ quốc-ngữ, chữ Latinh thường được gán cho cách viết thông tục của người An Nam bao gồm tất cả các chữ cái trong bảng chữ cái Latinh, ngoại trừ f, j và z; f. được thay thế bằng ph, j và z bằng d không có nét gạch ngang.

học chữ Quốc ngữ. Nghị định này gọi chữ Quốc ngữ là ‘Caractères européens’.

Trong cuốn sách *Grammaire Annamite à l'usage des Français de l'Annam et du Tonkin (Ngữ pháp tiếng Annam)* in năm 1897, tác giả P-G.V¹² viết: “Chính cái thứ chữ viết được quy ước này đã được đặt tên là *cuốc ngữ* hay *tây cuốc ngữ*, là ngôn ngữ được viết bằng con chữ Âu châu” (trang vi).¹³ Tên gọi ‘*tây cuốc ngữ*’ có một hàm ý rất thú vị. Chắc hẳn không phải người Pháp, mà người Việt mới đặt ra ý niệm ấy. Việc kết nối ngữ nghĩa của tên gọi ‘*tây cuốc ngữ*’ với ‘quốc ngữ tây tự’ sẽ không phải là không có lý, mặc dù hai tên gọi này không hoàn toàn là một.

Về sau, khi tên gọi ‘*chữ quốc ngữ*’ trở thành tên riêng thì người ta có phân biệt nó với tên gọi ‘*quốc ngữ*’ (chỉ gộp cả ngôn ngữ của dân tộc/quốc gia và chữ viết). Khi sự phân biệt này minh xác hơn và khi chữ Quốc ngữ đã “lên ngôi”, thì tên gọi ‘*chữ quốc ngữ*’ chính thức trở thành tên riêng, được quy ước viết hoa: “*chữ Quốc ngữ*”.

3.4. Quá trình người Việt và chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX sử dụng và ghi nhận tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ không giống nhau.

Theo những phân tích tại điểm 3.1. bên trên, vào khoảng cuối năm 1866 đến tháng Giêng năm 1867, tên gọi ‘chữ quốc ngữ’

đã được sử dụng và ghi nhận trong cuốn sách *Mẹo luật...* của Trương Vĩnh Ký và *Gia Định báo*. Trong khi đó, các tài liệu trong bộ sưu tập RLRC lại cho thấy: tên gọi ‘quốc ngữ’ được người Pháp sử dụng sớm nhất tại một số tài liệu năm 1874, ví dụ như:

- Nghị định *Tổ chức nhân sự, gồm các thông ngôn, các học giả và các thư ký người châu Á* (Organisation du personnel des interprètes, des lettrés et des secrétaires asiatiques) ký ngày 08/4/1874, đăng trên *Bulletin officiel de la Cochinchine* (BOC), 1874, tr.123, (Nguồn: RLRC, Tome II: tr.118);

- *Chương trình thi cho các thông dịch viên, các học giả và thư ký người châu Á* (Fixation du programme des examens des interprètes, des lettrés et des secrétaires asiatiques),¹⁴ ký ngày 08/4/1874, đăng trên BOC, 1874. (RLRC, Tome II: tr.123).

Trong các tài liệu chính thức do chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ ban hành, tên gọi ‘caractères européens’ (mẫu tự Âu châu) hoặc ‘caractères Latins’ (mẫu tự Latin) thường được sử dụng. Bộ RLRC cho thấy, tính đến thời điểm 01/01/1880, tên gọi ‘caractères européens’ được dùng trong các tài liệu đến 1869, tên gọi ‘caractères Latins’ được dùng trong các tài liệu đến 1879. Có thể nói, chỉ đến khi tên gọi ‘chữ quốc ngữ’/ ‘quốc ngữ’ đã được

¹² Là P.G. Valot

¹³ C'est cette écriture de convention qui a reçu la dénomination de *cuốc ngữ* ou *tây cuốc ngữ*, c'est-à-dire langue écrite avec des lettres européennes.

¹⁴ Ví dụ: Épreuve écrite. - Dictée en quốc ngữ (Bài kiểm tra viết. - Viết chính tả bằng quốc ngữ).

cộng đồng xã hội Việt Nam sử dụng rộng rãi để chỉ thứ chữ viết này thì văn bản của chính quyền thực dân ở Nam Kỳ mới sử dụng. Bởi vì, như điểm 2.2. bên trên đã trình bày, nghị định do Thống đốc G. Ohier ký ngày 22/02/1869 yêu cầu dùng chữ Quốc ngữ trong tất cả các tài liệu, giấy tờ chính thức, vẫn gọi nó (chữ Quốc ngữ) là ‘*caractères européens*’.

Trong nghị định do Thống đốc J. Lafont ký ngày 06/4/1878 về việc bắt buộc dùng chữ Quốc ngữ trong các giấy tờ, tài liệu từ ngày 01/01/1882, phần nêu căn cứ ở đầu văn bản có dùng tên gọi ‘quốc ngữ’ nhưng trong điều khoản chính thức (Điều 1) thì vẫn gọi nó (chữ Quốc ngữ) là ‘*caractères Latins*’.

Đối với tên gọi ‘quốc ngữ tây tự’ trong công văn bằng chữ Hán, đăng trên 嘉定報 ngày 01 tháng 02 năm Quý Hợi, tuy không có bằng chứng và cũng không hy vọng tìm được bằng chứng cụ thể cho thấy ai đưa ra; nhưng chúng ta có thể tin chắc được: đó là người Việt Nam, và (những) người đó phải làm thông dịch viên cho chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ đương thời.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, khi tên gọi ‘quốc ngữ’/ ‘chữ quốc ngữ’ xuất hiện và được sử dụng, nhiều tâm lý và cảm xúc khác nhau về tên gọi đó đã được thể hiện. Dumoutier (1887: 9) nói rằng ông ta không biết tại làm sao mà các mẫu tự Latinh để ghi âm cái thứ tiếng Annam nôm na, thông tục ấy lại là *quốc ngữ* được (Dẫn theo J. De Francis, 1977: 85). Một số người khác cũng dành cho tên gọi *Quốc ngữ*

những đánh giá không thiện cảm hoặc coi thường, thậm chí khinh rẻ; chẳng hạn, họ coi đó là cái tên *không phù hợp* (Landes: 1886, Cadière: 1904), *man đại* (Aymonier, 1890: 25), *quá lạm* (Anon, 1914b: 71), *đầy tự phụ* (Lahille, 1918: 9), *vô nghĩa lý* (Maspero, 1929: I, 79). Trong bài *Girolamo Majorica, ses oeuvres en langue Vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris*, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn (1953: 205), cũng nói: hệ thống chữ cái Latinh được gọi là (chữ) *Quốc ngữ* thì không được chính xác lắm.

4. Kết luận

Những tư liệu hiện biết và những kết quả khảo khảo sát, phân tích vừa trình bày trên đây cho phép chúng ta có thể đi tới mấy kết luận sơ bộ như sau:

4.1. Tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ không chỉ được sử dụng, ghi nhận trên *Gia Định báo* số 1 năm 1867 ra ngày 15/01/1867, số 4 ra ngày 15/4/1867, mà còn được sử dụng, ghi nhận trong cuốn sách ‘*Mẹo luật dạy học tiếng Pha lang sa*’ (năm 1867) của một tác giả cụ thể, danh tính rõ ràng, là Trương Vĩnh Ký. Cuốn sách này cũng là một tài liệu quan trọng, đánh dấu mốc thời gian ghi nhận tên gọi ‘chữ quốc ngữ’, nhưng trước nay, khi tìm hiểu vấn đề hữu quan, sách bị bỏ sót. Các tư liệu được khảo sát cho thấy: thời điểm thực tế sớm nhất tên gọi ‘chữ quốc ngữ’ được sử dụng và ghi nhận là khoảng cuối năm 1866 - đầu năm 1867.

4.2. Từ ‘*quốc ngữ*’ (國語) trong tên gọi ‘*quốc ngữ tây tự*’ (國語西字) tại công văn chữ Hán đăng trên 嘉定報 (số 2, ngày 01

tháng 02 năm Quý Hợi - 1863) được dùng với nghĩa “ngôn ngữ của dân tộc, quốc gia. Tên gọi ‘*Quốc ngữ tây tự*’ được dùng ứng với tên gọi ‘*la langue annamite écrite en caractères européens*’ (tiếng Annam viết bằng mẫu tự Âu châu) trong nghị định tương ứng viết bằng tiếng Pháp đăng trên BOEC (BOCF, 1862-1863. In lần hai, 1871: tr.311), không phải đích danh là ‘chữ quốc ngữ’. Tuy nhiên, có thể nói: cái tên ‘*Quốc ngữ tây tự*’ chính là nền tảng căn bản để hình thành cả hình thức lẫn nội dung của tên gọi ‘*chữ Quốc ngữ*’.

4.3. Thời điểm sử dụng rộng rãi, phổ biến chữ Quốc ngữ và thời điểm ghi nhận tên gọi chính thức của nó, là hai vấn đề cần được phân biệt.

Khi chính quyền thực dân của Pháp được thiết lập ở Nam Kỳ (từ 1862), chính quyền này gọi chữ Quốc ngữ là ‘*caractères européens*’ hoặc ‘*caractères Latins*’ và tiếp tục thường xuyên dùng hai tên gọi này khi tên gọi ‘chữ quốc ngữ’/ ‘quốc ngữ’ đã được người Việt sử dụng trên sách vở, báo chí. Có lẽ nghĩa gốc của tên gọi ‘quốc ngữ’ (ngôn ngữ, chữ viết của vương quốc, quốc gia) đã khiến không ít học giả người Âu châu hoài nghi, hình như vì thiếu sự tôn trọng đúng mức đối với tiếng Việt, coi nó là thứ tiếng nói “thông tục”, “nôm na”, nên đã cho rằng, cái thứ chữ viết để ghi tiếng nói ấy không đáng được gọi là “quốc ngữ”.

4.4. Chữ Quốc ngữ vốn do các thừa sai người châu Âu khởi tạo từ nửa đầu thế kỷ XVII để sử dụng trong công cuộc truyền giáo của họ, nhưng khoảng 250 năm sau nó

mới bắt đầu được định danh. Trong các văn bản, sách vở viết bằng chữ Quốc ngữ thế kỷ XVII, XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX, hiện vẫn chưa phát hiện được có tài liệu nào ghi nhận tên gọi ‘chữ quốc ngữ’. Khi chú ý đến, rồi khuyến khích, tiến tới bắt buộc người Việt Nam học và sử dụng chữ Quốc ngữ thay cho chữ Hán và nền giáo dục truyền thống của Việt Nam bằng chữ Hán, chính quyền thực dân của Pháp ở Nam Kỳ gọi chữ Quốc ngữ là ‘*caractères européens*’ [mẫu tự Âu châu] hoặc ‘*caractères Latins*’ [mẫu tự Latin] (để viết tiếng Annam). Chính người Việt Nam, trong quá trình làm quen, chấp nhận và sử dụng chữ Quốc ngữ, đã đặt ra cái tên ‘chữ quốc ngữ’ và sử dụng cho tới ngày nay.

4.5. Trong nửa sau thế kỷ XIX, các tên gọi: ‘*quốc ngữ tây tự*’ (國語西字), ‘*chữ quốc ngữ*’, ‘*quốc ngữ*’, ‘*caractères européens*’, ‘*caractères Latins*’ đã từng được sử dụng để định danh cho chữ Quốc ngữ. Đi đôi với các tên gọi đó, là ý nghĩa và cách sử dụng chúng, thái độ của người sử dụng chúng. Điều này không chỉ đơn giản là vấn đề tên gọi và gọi tên, mà ngược lại, khá phức tạp, vẫn còn ẩn chứa những thông tin cần tiếp tục được khảo luận thêm về mặt lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và xã hội./.

NGUỒN TƯ LIỆU KHẢO SÁT

1. 嘉定報 (*Gia định báo*, in bằng chữ Hán) ngày 01 tháng 02 năm Quý Hợi (1863). <https://gallica.bnf.fr/> (02/01/2025).

2. *Gia Định báo* (in bằng chữ Quốc ngữ) 12 số của năm 1867. <https://gallica.bnf.fr/GallicaEnChiffres>. (31/01/2025).

3. *Grammaire de la Langue Annamite*. Trương Vĩnh Ký: 1883). <http://books.google.com>

4. *Manuel des écoles primaires ou simples notions sur les sciences*. 1^{ère} Volume. Saigon Imprimerie du gouvernement. 1877/1876). Trương Vĩnh Ký. (<https://gallica.bnf.fr>)

5. *Mẹo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa* (Trương Vĩnh Ký: 1867). <https://books.google.com.vn>

6. *Quyết định số 44, ngày 31/3/1863* (No. 44. *Retablissement de l'instruction publique* - Tái thiết nền giáo dục công) của Bonard. (*Bulletin officiel de l'Expedition de la Cochinchine*. N° 5. 1863, tr.62. Viết tắt: BOEC). In lại trong: *Bulletin officiel de la Cochinchine Française* (BOCF) 1862-1863. Deuxième Édition. Paris, 1871. tr.10-313.

7. *Recueil de la Législation et Réglementation de la Cochinchine*. Au 1^{er} Janvier 1880 (viết tắt: VBPL). (Bộ sưu tập văn bản pháp luật và quy định ở Nam Kỳ. Sưu tập đến ngày 01/01/1880. Saigon, Imprimerie Nationale, Tome I: 1880; Tome II: 1881). <https://books.google.com.vn/books>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bouchet (1912). *Cours Elementaire d'Annamite*. Hanoi-Haiphong.

2. Lê Minh Quốc (2025). <https://leminhquoc.vn> (31/3/2025).

3. P-G.V. (P.G. Valot) (1897) *Grammaire Annamite à l'usage des Français de l'Annam et du Tonkin*. F. H. Schneider, Imprimeur-Editeur.

4. Trần Nghĩa, Francois Gros (chủ biên) (1993). *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu* (Catalogue des Livres en Han Nôm). Nxb. Khoa học Xã hội.

5. P-G.V. (Paul Gabriel Valot) (1897). *Grammaire Annamite à l'usage des Français de l'Annam et du Tonkin*. Hanoi.

6. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2024). <http://baochi.nlv.gov.vn> (15/02/2025).

7. Võ Xuân Quế (2021). Cụm từ “chữ Quốc Ngữ” được dùng từ bao giờ và ở đâu? <https://nghiencuulichsu.com>

(Ngày nhận bài: 28/5/2025; ngày duyệt đăng: 30/9/2025)